TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/DS-ST
Ngày: 03/12/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1982; trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Sao L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị Mai L2, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh)

+ Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thanh V có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai L2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2024, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà L (bà P) trình bày:*

Ngày 01/11/2023, bà L có ký hợp đồng ủy quyền cho bà Sao L1 02 thửa đất số 209, tờ bản đồ số 60 và thửa 252, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Lý do bà L ký hợp đồng ủy quyền cho bà Sao L1 là do bà Phạm Thị Mai L2 cần tiền nên có nhờ bà L cho mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nên trên thế chấp cho bà Sao L1 để vay tiền. Bà L không biết bà Mai L2 vay của bà Sao L1 bao nhiêu tiền, nhưng ngày 01/11/2023 đi cùng bà với bà Sao L1 thì có bà Mai L2 đi cùng. Bà Sao L1 không giao tiền gì cho bà L. Bà Sao L1 có giao tiền cho em bà L (bà Mai L2) không thì bà L không biết. Giấy mượn tiền ngày 01/11/2023 không phải là chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà L.

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số 4621, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thanh V ký giữa bà L và bà Sao L1 và yêu cầu bà Sao L1 trả lại cho bà L 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01014 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 22/02/2022 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01040 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 12/02/2022.

Bà Sao L1 phản tố yêu cầu bà L và bà Mai L2 liên đới trả số tiền 2.150.000.000 đồng thì bà L không đồng ý.

Ngoài ra bà P không có ý kiến gì khác.

** Theo đơn phản tố ngày 16/01/2025, đơn phản tố bổ sung ngày 07/8/2025, bản tự khai ngày 20/11/2024 người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Sao L1 (ông Q) trình bày:*

Bà Sao L1 và bà L là hàng xóm, quen biết nhau, bà L có em gái ruột là bà Phạm Thị Mai L2. Ngày 01/11/2023, qua giới thiệu của bà Mai L2, bà L đề nghị mượn của bà Sao L1 số tiền 2.150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và bà Sao L1 đồng ý. Để bảo đảm cho khoản tiền này, bà L giao bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sao L1 giữ và cùng bà Sao L1 đến Văn phòng C ký Hợp đồng ủy quyền số 4621, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD cho bà Sao L1 được toàn quyền sử dụng đất đối với:

+ Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 397968, số vào sổ CH01014 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 26/3/2012 cho bà Phạm Thị Lệ .

+ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 397519, số vào sổ CH01040 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 17/4/2012 cho bà Phạm Thị Lệ .

Đồng thời, bà L có lập giấy mượn tiền, thể hiện việc bà L mượn của bà Sao L1 2.150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và cam kết khi trả đủ tiền thì bà Sao L1 sẽ trả lại giấy tờ đất; giấy mượn tiền có chữ viết, chữ ký và dấu lăn tay mang tên bà L.

Khi lập giấy mượn tiền, do bà L nói bị say nắng nên lên xe ngồi trước, bà Mai L2 đề nghị bà Sao L1 đưa giấy mượn tiền để mang lên xe cho bà L ký và lăn tay. Tin tưởng do quan hệ quen biết, bà Sao L1 giao giấy mượn tiền cho bà Mai L2. Khoảng 5 phút sau, bà Mai L2 mang trả lại giấy mượn tiền đã có chữ viết, chữ ký và dấu lăn tay mang tên bà L. Do lúc đó bà Mai L2 đóng cửa xe nên bà Sao L1 không trực tiếp nhìn thấy việc bà L ký và lăn tay.

Sau đó, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ngược lại còn khởi kiện bà Sao L1 và cho rằng việc ủy quyền để bà Sao L1 chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng sự thật. Kết quả giám định cho thấy dấu vân tay trên giấy mượn tiền là của bà Phạm Thị Mai L2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Sao L1 đồng ý. Bà Sao L1 yêu cầu bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Mai L2 liên đới trả số tiền 2.150.000.000 đồng, bà Sao L1 không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày, việc giao nhận tiền được thực hiện tại nhà bà Sao L1. Khi đó có bà Sao L1, bà L và bà Mai L2. Bà L là người đếm tiền và bà Mai L2 là người cất giữ tiền. Sau đó bà Sao L1, bà L và bà Mai L2 cùng nhau đến Văn Phòng C và làm hợp đồng ủy quyền. Tại Văn phòng Công chứng các bên mới lập giấy mượn tiền.

Ngoài ra, ông Q không trình bày gì thêm.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/03/2025, ngày 15/9/2025, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Mai L2) trình bày:*

Bà Mai L2 là em ruột của bà L. Bà hoàn toàn không biết gì về việc thỏa thuận ủy quyền giữa bà L và bà Sao L1 đối với 02 thửa đất số 209, 252 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà không nhớ vào ngày 01/11/2023 có đến Văn phòng công chứng hay không nhưng bà không có đi cùng với bà L đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V. Bà Mai L2 không có ký tên, ghi họ tên, lăn tay thay cho bà L trong giấy mượn tiền ngày 01/11/2023 và bà Mai L2 không đồng ý trưng cầu giám định chữ ký tên "Lệ", chữ viết họ tên "Phạm Thị L" và dấu vân tay trên giấy mượn tiền ngày 01/11/2023 có phải là của bà hay không.

Nay bà Sao L1 yêu cầu bà liên đới cùng với bà L thanh toán số tiền là 2.150.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Ngoài ra, bà Mai L2 không trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện bà Đặng Thị Sao L1 yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số 4621, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 ký giữa bà L và bà Đặng Thị Sao L1 đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 60 và thửa 252, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Sao L1 trả lại cho bà L 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01014 do UBND huyện D cấp ngày 22/02/2022 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01040 do UBND huyện D cấp ngày 12/02/2022. Bà Sao L1 phản tố yêu cầu bà L và bà Mai L2 liên đới thanh toán số tiền vay là 2.150.000.000 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Sao L1 có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng (nay là TAND khu vực số A - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Xét hợp đồng ủy quyền ngày 01/11/2023:

[2.1] Các bên đều thừa nhận việc ngày 01/11/2023, bà L và bà Sao L1 cùng đến Phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V ký kết hợp đồng ủy quyền,

theo đó bà L ủy quyền cho bà Sao L1 toàn quyền liên quan đến việc sử dụng thửa đất số 209, tờ bản đồ số 60 và thửa 252, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Như vậy, về mặt hình thức, hợp đồng ủy quyền được lập tại văn phòng công chứng, có chứng nhận của công chứng viên, đáp ứng quy định về hình thức của giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

[2.2] Tuy nhiên, về mục đích và bản chất của hợp đồng ủy quyền, lời trình bày của các đương sự thể hiện: Bà L cho rằng việc bà ký hợp đồng ủy quyền là do em gái là bà Mai L2 nhờ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho bà Sao L1 vay tiền, bà L không vay tiền và cũng không nhận tiền từ bà Sao L1; bà L không biết cụ thể số tiền vay. Ngược lại, bà Sao L1 khai rằng chính bà L là người đề nghị vay số tiền 2.150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hợp đồng ủy quyền nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, cả hai bên đều thừa nhận hợp đồng ủy quyền không được lập nhằm thực hiện các công việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho..., mà nhằm bảo đảm cho một quan hệ vay tài sản nên vô hiệu theo Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Bà L thừa nhận có việc cùng bà Sao L1 đến Văn phòng C ký hợp đồng ủy quyền ngày 01/11/2023, nội dung ủy quyền cho bà Sao L1 toàn quyền liên quan đến việc sử dụng đối với 02 thửa đất số 209 và 252. Bà L khai việc bà ký ủy quyền là do em gái là bà Phạm Thị Mai L2 cần tiền nên nhờ bà đứng tên ký ủy quyền, giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của bà Sao L1, bản thân bà không nhận tiền, không trực tiếp vay. Bà Sao L1 trình bày: Thông qua bà Mai L2 giới thiệu, bà L là người đề nghị vay số tiền 2.150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng; hai bên thỏa thuận giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L cho bà Sao L1 giữ và lập hợp đồng ủy quyền toàn quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay này, bà L nhận và đếm tiền; bà Mai L2 là người cất giữ số tiền này, đồng thời hai bên có lập giấy mượn tiền, cam kết khi trả đủ thì giao trả lại giấy tờ đất. Bà Mai L2 không thừa nhận việc mình tham gia vay, cũng không thừa nhận việc ký tên, lăn tay trên giấy mượn tiền, tuy nhiên, bà Mai L2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc mình hoàn toàn không tham gia giao dịch, ngoài lời khai phủ nhận.

[3.2] Xét "giấy mượn tiền" đề ngày 01/11/2023: Kết luận giám định xác định dấu vân tay trên giấy mượn tiền là của bà Phạm Thị Mai L2, không phải của bà L. Việc dấu vân tay là của bà Mai L2 thể hiện bà Mai L2 đã trực tiếp tham gia việc lập giấy mượn tiền, mâu thuẫn với lời khai cho rằng bà "hoàn toàn không biết gì". Việc giấy mượn tiền mang tên bà L nhưng dấu vân tay là của bà Mai L2 cho thấy giữa hai chị em bà L và bà Mai L2 có sự thỏa thuận nội bộ về việc sử dụng tên và tài sản đứng tên bà L để vay tiền. Mặc dù bà L không thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy, nhưng bản thân bà thừa nhận đã đồng ý giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký hợp đồng ủy quyền để cho bà Mai L2 vay tiền của bà Sao L1. Như vậy, không thể coi bà L là người hoàn toàn không biết gì, không liên quan đến giao dịch vay.

[3.3] Theo lời khai người làm chứng ông Chu Văn H: Vào khoảng 13 giờ ngày 01/11/2023, người làm chứng đến nhà bà Sao L1 thì thấy bà Sao L1, bà L, bà Mai L2 nói chuyện với nhau, trên bàn lúc đó có để tiền mặt và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi mọi người đếm tiền xong, người làm chứng nghe mọi người nói với nhau số tiền là 2.150.000.000 đồng và bàn nhau sẽ ra phòng công chứng để làm thủ tục vay mượn tiền. Lời khai của người làm chứng phù hợp với thời điểm, bối cảnh mà các bên đều thừa nhận là có đến Văn phòng công chứng lập hợp đồng ủy quyề, phù hợp với lời khai của bà Sao L1 về số tiền cho vay là 2.150.000.000 đồng và việc dùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L làm bảo đảm, phù hợp với nội dung giấy mượn tiền ngày 01/11/2023.

[3.4] Mặc dù, bà Sao L1 thừa nhận không trực tiếp nhìn thấy bà L ký và lăn tay trên giấy mượn tiền, việc giao lại giấy mượn tiền có chữ ký, dấu vân tay là thông qua bà Mai L2, nhưng điều đó không làm mất đi giá trị chứng minh của các chứng cứ khác về khoản tiền 2.150.000.000 đồng đã được giao dịch. Việc bà L viện dẫn lý do không trực tiếp nhận tiền để phủ nhận nghĩa vụ của mình là không phù hợp với sự thừa nhận trước đó của chính bà về việc đồng ý cho em gái sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình để vay tiền, tự mình ký hợp đồng ủy quyền, giao cho bà Sao L1 toàn quyền liên quan đến quyền sử dụng 02 thửa đất. Đây là hành vi thể hiện ý chí tham gia giao dịch bảo đảm cho khoản vay của bà Mai L2 nên bà L phải có trách nhiệm đối với khoản vay của bà Mai L2.

[3.5] Đối với bà Mai L2, việc kết luận giám định xác định dấu vân tay trên giấy mượn tiền là của bà, cùng với lời khai của người làm chứng về việc bà có mặt tại nhà bà Sao L1, tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đặt trên bàn, mọi người đếm tiền và bàn việc đi công chứng. Từ đó có cơ sở xác định bà Mai L2 là người trực tiếp tham gia thỏa thuận vay và có lợi ích từ khoản tiền này nên bà Mai L2 phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền trên cho bà Sao L1.

[3.6] Về lãi suất: Bà Sao L1 không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Chi phí giám định là 10.000.000 đồng. Bà Sao L1 chịu chi phí giám định do không phải chữ ký của bà L. Bà Mai L2 chịu chi phí giám định do dấu vân tay của bà Mai L2. Bà L đã nộp 5.000.000 đồng, bà Sao L1 phải hoàn lại cho bà L. Bà Sao L1 đã nộp là 5.000.000 đồng, bà Mai L2 phải hoàn lại cho bà Sao L1.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sao L1 chịu án phí đối với yêu cầu của bà L được chấp nhận. Bà L và bà Mai L2 chịu án phí đối với yêu cầu của bà Sao L1 được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 122, 124, 288, 463, 466, 469, 562 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng ủy quyền" của bà Phạm Thị L đối với bà Đặng Thị Sao L1.

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền số 4621, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 tại Văn phòng C vô hiệu.

Buộc bà Đặng Thị Sao L1 trả lại cho bà Phạm Thị L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH397968, số vào sổ cấp GCN: CH01014 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Phạm Thị L ngày 26/3/2012 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH397519, số vào sổ cấp GCN: CH01040 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Phạm Thị L ngày 17/4/2012.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Đặng Thị Sao L1 đối với bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Mai L2.

Buộc bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Mai L2 liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị Sao L1 số tiền 2.150.000.000 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà L, bà Mai L2 không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà L, bà Mai L2 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chi phí giám định là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bà Sao L1 thanh toán cho bà L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà Mai L2 thanh toán cho bà Sao L1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị Sao L1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007278 ngày 21/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). H1 lại cho bà Sao L1 số tiền 37.200.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Mai L2 liên đới chịu 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0000540

ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà L và bà Mai L2 phải nộp tiếp số tiền là 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh